TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HB** **TỈNH BẠC LIÊU** Bản án số: 01/2021/DS-ST Ngày: 25 – 01 -2021 V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Tấn Phước
2. Ông Nguyễn Văn Miên
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Mỹ Ghết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Doanh nghiệp P
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức N – Chủ doanh nghiệp
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Kim H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Số 03, ấp NH, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1971
Bà Phan Thúy Ng, sinh năm 1972
Địa chỉ: Ấp 21, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.
(Bà Phan Kim H và ông M có mặt, bà Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Từ năm 2017 Doanh nghiệp P (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) nhiều lần mua bán vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng. Tính đến ngày 20/9/2018 tại bản đối chiếu công nợ ông M và bà Ng còn nợ Doanh nghiệp số tiền 1.054.977.800 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ thì ông M và bà Ng có trả số tiền 220.000.000. Do đó, ông M và bà Ng còn nợ Doanh nghiệp số tiền 834.977.800 đồng. Nay Doanh nghiệp yêu cầu ông M và bà Ng trả số tiền 834.977.800 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông M và bà Ng thanh toán lãi suất từ ngày 21/9/2018 đến nay theo lãi suất

1%/tháng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 233.793.784 đồng)

Tại bản tự khai ngày 02/11/2020 ông Nguyễn Văn M thừa nhận có mua bán vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng của Doanh nghiệp Phan Đức N. Theo ông M, ông có nợ tiền của Doanh nghiệp P nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể còn nợ Doanh nghiệp là bao nhiêu. Ông sẽ cung cấp tài liệu để đối chiếu. Tuy nhiên, từ ngày 02/11/2020 đến nay Tòa án triệu tập nhiều lần ông M vẫn không đến làm việc. Tại phiên tòa, ông M thừa nhận còn nợ Doanh nghiệp P số tiền 834.977.800 đồng và đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh là 1%/tháng theo yêu cầu của đại diện doanh nghiệp (tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 233.793.784 đồng).

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp P đối với ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng trả cho Doanh nghiệp P số tiền 1.068.771.584 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/01/2021 (trong đó: nợ gốc là 834.977.800 đồng, lãi 233.793.784 đồng). Buộc ông M và bà Ng phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Doanh nghiệp P tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng trú tại ấp 21, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB.

Ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng được tống đạt hợp lệ nhưng bà Ng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Ng.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ lời trình bày của bà Phan Kim H (đại diện Doanh nghiệp P), bản tự khai của ông M có đủ cơ sở xác định giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng giữa Doanh nghiệp P với ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng là có xảy ra trên thực tế.

Theo bà Phan Kim H thì căn cứ bản đối chiếu công nợ có chữ ký của ông Nguyễn Văn M xác định đến ngày 20/9/2018 ông M và bà Ng còn nợ số tiền 1.054.977.800 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ thì ông M và bà Ng trả số tiền 220.000.000 đồng. Do đó, ông M và bà Ng còn nợ Doanh nghiệp số tiền 834.977.800 đồng. Tại phiên tòa, ông M thống nhất còn nợ Doanh nghiệp P số tiền 834.977.800 đồng và đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp.

Đối với yêu cầu của Doanh nghiệp P về việc tính lãi suất đối với số tiền ông M và bà Ng còn nợ theo mức lãi suất thỏa thuận là 1%/ tháng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 233.793.784 đồng. Ông M thống nhất với toàn bộ yêu cầu này. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Doanh nghiệp P được chấp nhận nên cần buộc ông M và bà Ng phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp P. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng có trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp P số tiền 1.068.771.584 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/01/2021 (trong đó: nợ gốc là 834.977.800 đồng, lãi 233.793.784 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thúy Ng phải nộp 44.063.147 đồng. Doanh nghiệp P không phải chịu án phí, đại diện Doanh nghiệp P đã dự nộp tạm ứng án phí 23.526.475 đồng theo biên lai thu tiền số 0010259 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện HB;
- Cơ quan THA huyện HB;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm